TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định số: 03/2019/HS-GĐT
Ngày 21 tháng 01 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Phó Chánh án - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Tuấn.

Các thành viên Hội đồng giám đốc thẩm: Ông Nguyễn Văn Tiến và ông Nguyễn Thanh Long.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vương Thị Lan- Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Kính- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hình sự đối với:

Ngày 21 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hình sự đối với:

1. Mai Kim L (tên gọi khác Sáu L B), sinh năm 1992; Nơi cư trú: Thôn A, xã T2, huyện P1, tỉnh Quảng Nam; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: không; Con ông: Mai Kim H và bà Võ Thị T. Vợ là Huỳnh Thị Ái T, có 01 con sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt từ ngày 25/12/2015.

2. Lê Xuân Đ (tên gọi khác: Beo)**,** sinh năm 1989, cư trú: Thôn 4, xã T4, huyện T5, tỉnh Quảng Nam. trình độ văn hóa: 4/12; nghề nghiệp: không. Con ông Lê Xuân S và bà Nguyễn Thị Th. Tiền sự: không. Bị bắt ngày 04/01/2016. Tiền án: Ngày 07/11/2014, bị TAND tỉnh Quảng Nam xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong ngày 24/5/2015;

3. Trương Văn T (Tên gọi khác Nhỏ)**,** sinh năm 1992; nơi cư trú: thôn B, xã T2, huyện P1, tỉnh Quảng Nam; Trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: không; con ông Trương Văn T, sinh năm 1957 và bà Trần Thị C, sinh năm 1966; có vợ là Lê Thị L1, sinh năm 1993 và có 01 con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt ngày 25/12/2015.

4. Nguyễn Xuân Tùng D, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn K, xã T6, huyện P1, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: lớp 10/12; con ông Nguyễn Xuân Q (đã chết) và bà Trương Thị Bích H, sinh năm 1970; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: không. Bị cáo bị bắt ngày 25/12/2015,

Tiền sự: Ngày 04/11/2013 bị công an huyện P1, tỉnh Quảng Nam ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 5.000.000 đồng về hành vi: "Cố ý gây thương tích và cố ý làm hư hỏng tài sản" đến nay chưa nộp phạt.

5. Phan Thanh P (Tên gọi khác Cu Em*)*, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn A1, xã T2, huyện P1, tỉnh Quảng Nam; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: không; Con ông Phan Thanh S và bà Châu Thị Minh T. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 25/11/2011 bị Tòa án nhân dân huyện P1 xử phạt 08 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản. Ngày 15/3/2017, bị Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 năm tù về tội: "Cướp tài sản" tại Bản án số 60/2017/HSST, hiện đang chấp hành bản án này tại Trại giam Am Điềm, tỉnh Quảng Nam.

6. Đoàn Dương Ph (Tên gọi khác: *Bi Xanh)***,** sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn A, xã T2, huyện P1, tỉnh Quảng Nam; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: không; con ông Đoàn Thanh S và bà Phạm Thị X; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt từ ngày 25/12/2015.

7. Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn A, xã T2, huyện P1, tỉnh Quảng Nam; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: không; Con ông Nguyễn Đình T và bà Trương Thị Kim S. Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt ngày 26/12/2015.

8. Nguyễn Đình C, sinh năm 1990; nơi cư trú: thôn An Trung, xã T2, huyện P1, tỉnh Quảng Nam; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: làm nông; con ông Nguyễn Đình Th, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1965; có vợ là Hoàng Vũ Tường V, sinh năm 1992 và có 01 con sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt từ ngày 25/12/2015 đến ngày 26/12/2015, thay đổi biện pháp ngăn chặn *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"*.

Các bị cáo bị xét xử về tội "*Cướp tài sản"* và tội "*Trộm cắp tài sản"* theo khoản 2 Điều 133 và khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999.

Ngoài ra, trong vụ án này còn có bị cáo Nguyễn Như Q bị Tòa án cấp phúc thẩm xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Trộm cắp tài sản", nhưng không có kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong khoảng thời gian từ ngày 17/10/2015 đến ngày 14/12/2015, các bị cáo Mai Kim L, Lê Xuân Đ, Trương Văn T, Nguyễn Xuân Tùng D, Phan Thanh P, Đoàn Dương Ph, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Đình C và Nguyễn Như Q đã bàn bạc và cấu kết chặt chẽ với nhau, lợi dụng đêm tối, nơi vắng vẻ để sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ và có lời nói, hành động uy hiếp khiến chủ tài sản là những người khai thác vàng trái phép trên địa bàn thôn B, xã T2, huyện P1, tỉnh Quảng Nam hoảng sợ để chiếm đoạt tài sản của họ. Ngoài ra, các bị cáo còn lợi dụng sự sơ hở của chủ tài sản để thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản. Tổng cộng các bị cáo đã thực hiện 04 vụ cướp tài sản và 01 vụ trộm cắp tài sản; cả 05 vụ đều do Mai Kim L cầm đầu, chỉ huy. Sự việc cụ thể như sau:

1. Vụ Trộm cắp tài sản: Sau khi được Lê Xuân Đ thông tin lán trại của vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Hồ Minh V1 có máng ngân. Khoảng 01 giờ sáng ngày 18/10/2015, Mai Kim L rủ Trương Văn T và Nguyễn Như Q đến lán trại của bà V, ông V1 để trộm cắp. Tại đây, L phân công T, Q đứng ngoài cảnh giới, còn L vào lán lấy trộm được 15 tấm máng ngân, cả bọn đem về nhà L cất giấu. Sau đó L bán cho đối tượng Đinh Ngọc L1 được 3.000.000 đồng; L chia cho Đ 500.000 đồng, chia cho T và Q mỗi người 300.000 đồng, L 1.900.000đ. Trị giá tài sản định giá là 4.500.000 đồng.

2. Vụ Cướp thứ nhất: Sau khi được Lê Xuân Đ thông tin lán trại của vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Hồ Minh V1 có vàng. Khoảng 01 giờ ngày 21/11/2015, Mai Kim L rủ Đ, T đi lấy vàng. L chuẩn bị 02 chiếc mã tấu giấu vào người, Đ điều khiển xe môtô chở L và T đi. Gần đến nơi, cả 3 giấu xe, đi bộ vào lán trại. Trên đường đi, L đưa cho Đ và T mỗi người 01 mã tấu, 01 cái khẩu trang để bịt mặt rồi phân công Đ, T cầm mã tấu khống chế những người làm vàng trong lán trại, còn L lục tìm lấy máng ngân. Đến nơi, Đ và T kề mã tấu vào cổ ông Lê Hữu L2 (là người làm công đang đứng máy xay đất đá) đe dọa, khống chế buộc ông L2 đi ra khỏi lán trại và Đ nói "im lặng để bọn tao lấy máng ngân rồi đi", thấy L lấy được 15 tấm máng ngân từ lán đi ra, Đ nói với ông L2 "Khoảng 30 phút sau hô lên mất máng, bọn tao không làm chi hết", rồi cả bọn đi về nhà L cất 15 tấm máng ngân. L bán 15 tấm máng ngân cho Đinh Ngọc L1 được 3.000.000 đồng; L chia mỗi người 1.000.000 đồng.

3. Vụ Cướp thứ hai: Khoảng 22 giờ ngày 02/12/2015, L rủ Đoàn Dương Ph đi lấy máng ngân, được Ph đồng ý. Ph rủ thêm D cùng tham gia. D điều khiển xe môtô chở L và Ph đi, mang khẩu trang bịt mặt, L cầm theo 01 mã tấu và mượn của Trương Văn T 01 bình xịt hơi cay, 01 cái roi điện có đèn pin. Gần đến nơi cả ba giấu xe đi bộ, L đưa D 01 mã tấu, đưa Ph roi điện, còn L cầm 01 bình xịt hơi cay đi đến lán vàng của ông Nguyễn Hải cả bọn lấy khẩu trang bịt mặt, núp vào bụi cây để quan sát. Ông Võ Hoàng Nam phát hiện nên nói "Tụi bay định trộm máng ngân hả", nghe vậy D xông ra cầm mã tấu đuổi ông Nam chạy, còn L cầm bình xịt hơi cay, Ph cầm roi điện dí khống chế ông Nguyễn Duy T3, ông T3 hoảng sợ đứng im, L lục tìm lấy được 10 tấm máng ngân rồi ra về. Ma Kim L bán 10 tấm máng ngân cho Nguyễn Đình C được 1.700.000 đồng, chia cho D 300.000 đồng, Ph 500.000 đồng, còn lại L 900.000 đồng.

4. Vụ Cướp thứ ba: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 04/12/2015, Nguyễn Đình C, Lê Hoàng V2 dẫn đường cho L, Đ, T, D đến lán vàng của ông Võ Văn L3. Khi gần đến C và V2 quay về. D cầm 01 mã tấu, L đưa cho Đ 01 mã tấu, T cầm 01 roi điện, L cầm 01 bình xịt hơi cay, cả bọn dùng khẩu trang bịt mặt quan sát lán, thấy ông Võ Văn L3 và các ông Võ Văn L4, Nguyễn M1 đang nằm trên võng nên xông vào uy hiếp, Đ và D kề mã tấu vào cổ ông L3, L4, M1; T bấm nút roi điện phát ra tia lửa điện buộc các ông L3, L4, M1 nằm im; Đ giật lấy điện thoại trên tay ông L4, L phát hiện có 01 xô kẽm ngậm vàng, T và D phát hiện 06 tấm máng ngân cả bọn cho vào bao; khi T, L mang số tài sản cướp được

ra khỏi lán thì Đ, D cắt dây võng trói tay ông L3, ông M1 lại, Đ lấy thêm 02 chiếc điện thoại di động của ông L3 và ông L4 đang để gần đó rồi ra khỏi lán. Số kẽm cướp được T và L khò được khoảng 01 chỉ vàng thô bán cho Trần Ngọc Dũng 3.000.000đ, 06 tấm máng ngân L bán cho Đinh Ngọc L1 9.000.000đ. Tổng cộng 12.000.000 đồng, L chia đều mỗi người 3.000.000 đồng. Riêng điện thoại di động OPPO Đ lấy được, L lấy dùng và trả cho Đ 1.000.000đ, rồi L bán lại cho 01 người không rõ L lịch 500.000 đồng.

Đinh Ngọc L1 chiết xuất số vàng tại 06 tấm máng ngân được 10,7 chỉ vàng thô, bán được 27.950.000 đồng. Qúa trình điều tra L1 đã tự nguyện giao nộp số tiền này.

5. Vụ Cướp thứ tư: Khoảng 00 giờ ngày 13/12/2015, Nguyễn Thanh T1 rủ L, Đ và P đi cướp tại lán vàng của ông Phạm Văn C. T1 cầm rựa đi trước dẫn đường, Đ cầm mã tấu, L cầm bình xịt hơi cay và đèn pin, trên đường đi T1 chặt 01 đoạn cây đưa cho P làm hung khí. Đến nơi cả bọn khẩu trang bịt mặt quan sát, L thấy ông Trần Văn Ph nằm trên võng gần xô kẽm nên bảo T1 khống chế ông Ph để L, Đ, P vào lấy xô kẽm. T1 cầm rựa vào uy hiếp ông Ph nói "Nằm im", ông Ph đang ngủ say quơ tay chân thì T1 nghĩ ông Ph chống cự nên chém ông Ph nhiều nhát khống chế, tạo điều kiện cho L, Đ, P lấy xô kẽm. Bị chém ông Ph tri hô. Ông C nghe thấy lấy đá ném về phía T1, L, Đ, P; bị ném đá tưởng có đông người nên cả bọn bỏ chạy chưa lấy được xô kẽm. Trên đường về T1, Đ, P vứt bỏ rựa, mã tấu, đoạn cây xuống sông B để Ph tang.

Tại Kết luận giám định số 193/GĐTT.16 ngày 25/7/2016, Trung tâm pháp y tỉnh Quảng Nam kết luận Tỷ lệ thương tật của ông Trần Văn Ph là 5%.

Tại Kết luận định giá tài sản số 2113/CV-HĐ ngày 20/9/2016, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Quảng Nam kết luận: 01 tấm máng ngân trị giá 300.000đồng/tấm; số lượng vàng khê bám dính trên máng ngân không xác định được trọng lượng nên không có cơ sở để định giá; 01 chỉ vàng thô thời điểm tháng 12/2015, trị giá 3.000.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia hiệu 206 màu đen trị giá 400.000 đồng; 02 chiếc điện thoại hiệu OPPO và LANDROVER do không xác định được chủng loại nên không có cơ sở định giá.

Vật chứng vụ án: 02 mã tấu bằng kim loại màu trắng (kích thước lưỡi dài 40cm x cán dài 15cm), 40 tấm máng ngân 30cm X 50cm bằng kim loại màu vàng, 01 bình xịt hơi cay có màu sơn đen, 01 roi điện màu đen, 01 đèn pin có chức năng roi điện, 01 dây sạc pin roi điện, 01 vỏ bọc roi điện bằng vải màu đen 06 điện thoại di động có thẻ sim gồm, 01 đôi dép nhựa loại dép bò màu đỏ. Đối với chiếc xe Dream không rõ biển kiểm soát của bị cáo L và 01 chiếc xe Jupiter không rõ biển kiểm soát của bị cáo T sử dụng làm phương tiện đi cướp tài sản. Sau đó L, T sử dụng đi làm vàng trái phép bị công an truy đuổi L, T bỏ lại xe, hiện không nhớ đặc điểm xe nên không có cơ sở thu hồi để xử lý. Đối với cái rựa, mã tấu, đoạn cây các bị cáo vứt xuống sông B, Cơ quan điều tra tiến hành truy tìm nhưng không tìm thấy.

Đinh Ngọc L1 có hành vi tiêu thụ 36 tấm máng ngân của Mai Kim L do cướp và trộm cắp được, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đã ra hủy bỏ quyết định khởi tố bị can đối với L1 về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", với lý do khi mua Đinh Ngọc L1 không biết là tài sản do phạm tội mà có.

Bị cáo Nguyễn Đình C có hành vi tiêu thụ 10 tấm máng ngân do của Mai Kim L cướp được, nhưng Cơ quan điều tra không xử lý hành vi này, với lý do khi mua C không biết là tài sản do phạm tội mà có.

Xử lý hành chính hành vi khai thác vàng trái phép vợ chồng ông Hồ Minh V1 và bà Nguyễn Thị Thanh V, ông Nguyễn Hải, ông Võ Văn L3 và ông Phạm Văn C.

Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra L, T, D đã bồi thường cho ông Võ Văn L4 1.500.000 đồng (trong đó L 500.000đ, T 500.000đ, D 500.000đ), riêng C bồi thường cho ông Võ Văn L4 1.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2017/HSST ngày 17/8/2017, Tòa án nhân dân huyện P1, tỉnh Quảng Nam quyết định:

1. Lê Xuân Đ: Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội "Cướp tài sản". Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1_Điều 48; Điều 47 Bộ luật, hình sự, xử phạt Lê Xuân Đ 09 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản". Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự, buộc phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 07 năm 09 tháng tù.

2. Mai Kim L: Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47 BLHS, xử phạt bị cáo 06 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản". Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 BLHS, xử phạt Mai Kim L 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự, buộc phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 07 năm 03 tháng tù.

3. Trương Văn T: Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo 05 năm tù về tội "Cướp tài sản". Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự, xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 05 năm 06 tháng tù.

4. Nguyễn Xuân Tùng D: Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47 Bộ luật hình sự, xử phạt 05 năm tù về tội "Cướp tài sản".

5. Phan Thanh P : Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47; Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản". Tổng hợp hình phạt 08 năm tù về tội "Cướp tài sản" tại Bản án số 60/2017/HSST ngày 15/3/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, buộc chấp hành hình phạt chung là 12 năm 06 tháng tù.

6. Nguyễn Thanh T1: Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 BLHS, xử phạt 03 năm 6 tháng tù về tội "Cướp tài sản".

7. Đoàn Dương Ph : Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 BLHS, xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản".

8. Nguyễn Đình C : Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự, xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp tài sản".

9. Nguyễn Như Q: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47 Bộ luật hình sự. Xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Ngoài ra bản án còn quyết định về xử lý tang vật, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Trương Văn T, Nguyễn Xuân Tùng D, Đoàn Dương Ph, Phan Thanh P, Nguyễn Đình C và Nguyễn Như Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 225/2017/HS-PT ngày 23/11/2017, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định sửa bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt, như sau:

1. Trương Văn T : Áp dụng Điểm a, d khoản 2 Điều 133, điểm a khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47 BLHS, xử phạt bị cáo 04 năm tù về tội "Cướp tài sản" và *06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", buộc bị cáo phải chấp hành chung là 04 năm 06 tháng tù.*

2. Nguyễn Xuân Tùng D: Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 04 năm tù về tội "Cướp tài sản".

3. Phan Thanh P: Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 04 năm tù về tội "Cướp tài sản". Tổng hợp hình phạt 08 năm tù về tội "Cướp tài sản" tại Bản án số 60/2017/HSST ngày 15/3/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương buộc bị cáo phải chấp hành là 12 năm tù.

4. Đoàn Dương Ph : Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 BLHS, xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp tài sản ".

5. Nguyễn Đình C: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội "Cướp tài sản" nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 05 năm.

6. Nguyễn Như Q: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 31 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo 09 tháng Cải tạo không giam giữ về tội "Trộm cắp tài sản".

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 67/QĐ-VC2 ngày 01/6/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 255/2017/HSPT ngày 23/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh

Quảng Nam và Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2017/HSST ngày 17/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện P1 về phần hình phạt đối với Mai Kim L, Lê Xuân Đ, Trương Văn T, Nguyễn Xuân Tùng D, Phan Thanh P, Đoàn Dương Ph, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Đình C, với nội dung: Tòa án hai cấp áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 để quyết định hình phạt dưới khung là không đúng với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo; đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo L, Đ, T, D, P, Ph, T1 và không cho bị cáo C được hưởng án treo.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Tòa án hai cấp xét xử các bị cáo Mai Kim L, Lê Xuân Đ, Trương Văn T, Nguyễn Xuân Tùng D, Phan Thanh P, Đoàn Dương Ph, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Đình C về các tội danh "Cướp tài sản" và tội "Trộm cắp tài sản" là có căn cứ. Tuy nhiên, về hình phạt thì đánh giá chưa đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, chưa xem xét nhân thân đầy đủ, áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, để tuyên phạt mức án dưới khung hình phạt không đúng quy định của pháp luật. Cụ thể như sau:

- Đối với Mai Kim L: Bị cáo tham gia 05 vụ (01 vụ trộm cắp tài sản, 04 vụ cướp tài sản) vai trò đầu vụ cả hai tội danh "Cướp tài sản" và "Trộm cắp tài sản", bị cáo cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm, chủ động tìm công cụ phạm tội, lôi kéo, xúi giục người khác cùng phạm tội và phân chia lại tiền do phạm tội mà có cho đồng bọn. Bị cáo phạm nhiều tội, phạm tội nhiều lần, phải chịu tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Nguyên tắc xử lý quy định tại Điều 3 Bộ luật Hình sự năm 1999: *"Nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy..."*, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo dưới khung cả hai tội danh là không đúng pháp luật.

- Đối với Lê Xuân Đ: Bị cáo tham gia 04 vụ (01 vụ trộm cắp tài sản, 03 vụ Cướp tài sản) là người thực hành tích cực nhất trong nhóm. Bị cáo phạm tội "Cướp tài sản" với 02 tình tiết định khung; có 01 tiền án chưa được xóa; phải chịu tình tiết tăng nặng "tái phạm" đối với cả hai tội danh và chịu tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 1999 đối với tội "Cướp tài sản". Tòa sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 07 năm tù ở mức hình phạt đối với tội "Cướp tài sản" là thiếu nghiêm khắc. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử dưới khung đối với tội *"Trộm cắp tài sản"* (09 tháng tù) là không đúng.

- Đối với bị cáo Trương Văn T thực hiện 03 vụ (01 vụ Trộm cắp tài sản, 02 vụ Cướp tài sản) và Nguyễn Xuân Tùng D thực hiện 02 vụ Cướp tài sản: Cả hai bị cáo đều có vai trò người thực hành tích cực. Trong đó, bị cáo D có nhân thân xấu, bị cáo T phạm nhiều tội, cả hai bị cáo đều phải chịu tình tiết tăng nặng "*phạm tội nhiều lần*" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm

1999 về tội"*Cướp tài sản",* nhưng Tòa án hai cấp đều áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt dưới khung đối với hai bị cáo là không đúng; về tội Trộm cắp tài sản, Tòa án hai cấp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự 1999, xử dưới khung đối với bị cáo T là không nghiêm.

- Đối với bị cáo Phan Thanh P: Tham gia 01 vụ Cướp tài sản, vai trò là người thực hành, chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ "*thành khẩn khai báo"* tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, nhân thân xấu (từng bị xử phạt tù cho hưởng án treo, bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản), nhưng không ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội đã bỏ trốn gây khó khăn cho Cơ quan điều tra. Trong thời gian trốn, bị cáo tiếp tục phạm tội *"Cướp tài sản",* bị Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2017/HSST ngày 15/3/2017. Hiện đang chấp hành bản án này. Tòa án hai cấp áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử bị cáo dưới khung là không đúng.

- Đối với bị cáo Đoàn Dương Ph: Tham gia 01 vụ Cướp tài sản ngày 02/12/2015, trực tiếp cầm công cụ hỗ trợ là cây roi điện uy hiếp ông Nguyễn Duy T3 để cho đồng bọn chiếm đoạt tài sản. Bị cáo là người thực hành nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo vai trò người giúp sức là không đúng với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ *"thành khẩn khai báo"* tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự Ị999. Do đó,Tòa án hai cấp áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử bị cáo dưới khung là không có căn cứ.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thanh T1: Tham gia 01 vụ cướp tài sản, vai trò là người thực hành, ngày 14/12/2015, bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm (dao rựa) chém anh Trần Văn Ph thương tích 05%. Sau khi gây án, bị cáo còn phi tang hung khí để che giấu tội phạm. Thương tích của anh Ph mà bị cáo đã gây ra phải xác định là hậu quả của tội phạm, nhưng bị cáo không có ý thức khắc phục, không ăn năn hối cải. BỊ cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ *"thành khẩn khai báo*" tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999, Tòa án sơ thẩm áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự 1999 xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù là không có căn cứ.

- Đối với bị cáo Nguyễn Đình C: Sau khi mua lại máng ngân do Mai Kim L cướp được vào ngày 02/12/2015, tới ngày 04/12/2015 Nguyễn Đình C trực tiếp dẫn đường, chỉ điểm cho Mai Kim L cùng đồng bọn thực hiện vụ cướp tại lán trại của ông Võ Văn L3. Bị cáo có vai trò giúp sức tích cực, phạm tội thuộc trường hợpp có tổ chức, Tòa sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm tù đã là nhẹ, Tòa án phúc thẩm sửa án sơ thẩm cho bị cáo hưởng án treo là trái với hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: *"2. Không cho hưởng án treo nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Người phạm tội thuộc đối tượng cần phải nghiêm trị quy định tại khoản 2 Điều 3 của Bộ luật hình sự bao gồm: ...có tổ chức...".*

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 382; Điều 388 và Điều 391 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 67/QĐ-VC2 ngày 01/6/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 255/2017/HSPT ngày 23/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2017/HSST ngày 17/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện P1, tỉnh Quảng Nam về phần trách nhiệm hình sự đối với Mai Kim L, Lê Xuân Đ, Trương Văn T, Nguyễn Xuân Tùng D, Phan Thanh P, Đoàn Dương Ph, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Đình C; Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện P1, tỉnh Quảng Nam để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Quyết định của Hội đồng giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
KT. CHÁNH ÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

(Đã ký)

Trần Minh Tuấn

Nơi nhận:
- Vụ 1 - TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND huyện P1;
- VKSND huyện P1;
- Chi cục THADS h.P1;
- Công an tỉnh Quảng Nam;
- Các bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, GĐKT I; HCTP .